

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ TƯ PHÁP

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

HOÀNG THỊ THÚY HẰNG

**HOÀN THIỆN CƠ SỞ PHÁP LÝ VỀ SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN
ĐỐI VỚI NHÀ NƯỚC Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2015

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ TƯ PHÁP

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

HOÀNG THỊ THÚY HẰNG

**HOÀN THIỆN CƠ SỞ PHÁP LÝ VỀ SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN
ĐỐI VỚI NHÀ NƯỚC Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

***Chuyên ngành* : Lý luận và Lịch sử Nhà nước và pháp luật**

***Mã số* : 62 38 01 01**

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

***Người hướng dẫn khoa học:* PGS. TS NGUYỄN VĂN ĐỘNG**

HÀ NỘI - 2015

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Từ khi thành lập (tháng 3/1930) đến nay, lúc hoạt động công khai, lúc hoạt động bí mật, tồn tại dưới tên gọi này hay tên gọi khác, nhưng Đảng Cộng sản Việt Nam (ĐCSVN) luôn giữ vai trò là chính đảng lãnh đạo đối với xã hội Việt Nam. Đặc biệt, khi Nhà nước Việt Nam (NNVN) ra đời (tháng 8/1945), ĐCSVN đã trở thành đảng cầm quyền thực hiện sứ mệnh lịch sử lãnh đạo Nhà nước. Vị thế đó của ĐCSVN được khẳng định qua những thành quả to lớn trong lịch sử cách mạng Việt Nam; quyết định sự ổn định và phát triển xã hội trong giai đoạn đổi mới và xây dựng đất nước. Những đóng góp của ĐCSVN đối với đất nước và dân tộc luôn được nhân dân Việt Nam ghi nhận.

Hiện nay, về mặt pháp lý, vai trò lãnh đạo của ĐCSVN đối với NNVN và xã hội được đảm bảo bằng quy định của Hiến pháp năm 2013 (Điều 4) và trong một số văn bản QPPL khác. Pháp luật tạo hành lang, khuôn khổ pháp lý để các đảng viên và tổ chức trong ĐCSVN, cán bộ, công chức, viên chức và bộ máy cơ quan, tổ chức của NNVN thực hiện; nhằm đảm bảo cho ĐCSVN thực hiện hiệu quả vai trò lãnh đạo của mình đối với NNVN, nhất là trong điều kiện xây dựng NNPQ XHCN ở Việt Nam.

Mặc dù CSPL cho sự lãnh đạo của ĐCSVN đối với NNVN đã được xác lập, song việc tiếp tục hoàn thiện CSPL đó vẫn cần phải đặt ra vì những lý do cụ thể như: nội dung CSPL hiện có mới tập chung chủ yếu trong Hiến pháp, là các quy định mang tính định hướng, nguyên tắc, hầu như chưa được cụ thể hóa bằng các PQPL cụ thể; số lượng các QPPL trực tiếp quy định về sự lãnh đạo của ĐCSVN đối với NNVN còn hạn chế, chưa tương xứng với phạm vi và tầm quan trọng của mối quan hệ giữa ĐCSVN và NNVN; cũng từ sự thiếu hụt, chưa đầy đủ các QPPL cụ thể hóa Hiến pháp nên có lúc, có nơi xảy ra tình trạng Đảng Cộng sản Việt Nam (Đảng) bao biện, làm thay Nhà nước Việt Nam (Nhà nước), Nhà nước trông chờ, ỉ lại vào sự lãnh đạo của Đảng nên mà mất đi tính chủ động, chưa làm tròn chức năng, nhiệm vụ được Đảng và nhân dân giao phó. Đồng thời trên thực tế, sự lãnh đạo này được quy định cụ thể chủ yếu bằng các quy định của Đảng và đây là một trong những lý do chính để các thế lực thù địch đưa ra luận điểm chống phá Đảng và sự nghiệp cách mạng của nhân dân đó là: thể chế chính trị của Việt Nam là Đảng trị. Chính vì vậy, việc hoàn thiện CSPL là nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật, triển khai thi hành Hiến pháp năm 2013; xây dựng cơ chế bảo vệ ĐCSVN, bảo vệ sự lãnh đạo của ĐCSVN đối với NNVN một cách vững chắc bằng luật pháp, phù hợp với yêu cầu, điều kiện xây dựng NNPQ XHCN; đồng thời góp phần nâng cao hiệu quả, hiệu lực lãnh đạo của ĐCSVN

và hoạt động của NNVN.

Mặc dù hoàn thiện CSPL về sự lãnh đạo của ĐCSVN đối với NNVN hiện nay là một vấn đề có tính cấp thiết, song hoạt động nghiên cứu xung quanh vấn đề này ở nước ta thời gian qua lại chủ yếu tập trung vào các vấn đề như: xây dựng và chỉnh đốn ĐCSVN; nâng cao hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo của ĐCSVN đối với NNVN và xã hội...; hầu như chưa có công trình nào nghiên cứu trực tiếp về vấn đề này một cách toàn diện và có hệ thống. Đó chính là lý do để tôi chọn *"Hoàn thiện cơ sở pháp lý về sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản đối với Nhà nước ở Việt Nam hiện nay"* làm đề tài luận án tiến sỹ của mình.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của Luận án

Trên cơ sở làm rõ cơ sở lý luận và đánh giá đúng thực trạng CSPL về sự lãnh đạo của ĐCSVN đối với NNVN hiện nay, mục đích nghiên cứu của Luận án là xác lập nội hàm, các thành tố cơ bản của CSPL và đề xuất giải pháp khả thi để hoàn thiện CSPL phù hợp với Hiến pháp 2013 về sự lãnh đạo của ĐCSVN đối với NNVN hiện nay.

Để đạt được mục đích trên, Luận án có những nhiệm vụ sau:

- *Thứ nhất*, xây dựng cơ sở lý luận cho việc hoàn thiện CSPL về sự lãnh đạo của ĐCSVN đối với NNVN: tiếp tục làm sáng tỏ lý luận về tính tất yếu, nội dung và phương thức lãnh đạo của ĐCSVN đối với NNVN; xác lập nội hàm khái niệm CSPL về sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, hoàn thiện CSPL; sự cần thiết phải hoàn thiện CSPL về sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và chủ thể, nội dung, hình thức, phương pháp tiến hành việc hoàn thiện.

- *Thứ hai*, đánh giá thực trạng CSPL về sự lãnh đạo của ĐCSVN đối với NNVN hiện nay; đồng thời, nghiên cứu khái quát thực tiễn xác lập CSPL cho vị thế chính trị của đảng chính trị, đảng chính trị cầm quyền ở một số nhà nước trên thế giới.

- *Thứ ba*, xác định những yếu tố ảnh hưởng đến việc hoàn thiện cơ sở pháp lý, các quan điểm, đề xuất những giải pháp hoàn thiện CSPL về sự lãnh đạo của ĐCSVN đối với NNVN và những điều kiện cần thiết đảm bảo thực hiện CSPL này trong thời gian tới.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu đề tài Luận án

Đối tượng nghiên cứu của Luận án là những vấn đề lý luận và thực tiễn của việc hoàn thiện CSPL về sự lãnh đạo của ĐCSVN đối với NNVN hiện nay.

Phạm vi nghiên cứu: Luận án chủ yếu nghiên cứu về những nội dung cơ bản nhất của CSPL và việc hoàn thiện CSPL về sự lãnh đạo của ĐCSVN đối với NNVN.

4. Phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu của Luận án

- *Phương pháp luận*: Luận án được thực hiện trên cơ sở phương pháp luận của chủ

nghĩa duy vật lịch sử, chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và các quan điểm của ĐCSVN về nhà nước và pháp luật.

- *Các phương pháp nghiên cứu cụ thể:* Phương pháp nghiên cứu lịch sử (Chương 2, 3); Phương pháp tổng hợp (Chương 1, 2, 3, 4); Phương pháp phân tích (Chương 1, 2, 3, 4)

- *Hướng tiếp cận của Luận án:*

Tiếp cận dưới góc độ lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật: về NN PQ, vấn đề đảng cầm quyền, quyền lực của nhân dân

Tiếp cận hệ thống: phân tích, đánh giá những CSPL hiện có với thực tiễn lãnh đạo của ĐCSVN đối với NN VN trong một phức hợp, liên quan, tác động trực tiếp lẫn nhau, tạo thành một chỉnh thể thống nhất.

Tiếp cận liên ngành: đặt các nội dung nghiên cứu trong Luận án trong sự phối hợp của nhiều ngành khoa học xã hội như: luật học, chính trị học, lịch sử ĐCSVN.

5. Những điểm mới của Luận án

Thứ nhất, Luận án bước đầu xây dựng được cơ sở lý luận, đặc biệt là xác lập khái niệm CSPL và hoàn thiện CSPL về sự lãnh đạo của ĐCSVN đối với NN VN.

Thứ hai, Luận án đã đánh giá được thực trạng CSPL về sự lãnh đạo của ĐCSVN đối với NN VN. Chỉ ra được những thành tựu và hạn chế của CSPL về sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước.

Thứ ba, Luận án đã đề xuất một số giải pháp để hoàn thiện CSPL về sự lãnh đạo của ĐCSVN phù hợp với tinh thần Hiến pháp năm 2013, trong đó có giải pháp cơ bản nhất là xây dựng Luật về ĐCSVN.

Có thể khẳng định, vấn đề mà Luận án nghiên cứu phức tạp và ít có tài liệu nghiên cứu tương đồng để tham khảo. Vì vậy, Luận án sẽ còn những nội dung chưa thật sự thấu đáo, triệt để, thậm chí có thể gây tranh luận; song đây sẽ gợi mở cho những hoạt động nghiên cứu tiếp theo về vấn đề này.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của Luận án

Kết quả nghiên cứu của Luận án sẽ góp phần làm phong phú thêm những kiến thức lý luận về CSPL và hoàn thiện CSPL về sự lãnh đạo của ĐCSVN đối với NN VN trong điều kiện một đảng cầm quyền ở nước ta hiện nay.

Kết quả nghiên cứu của Luận án có giá trị cung cấp tài liệu tham khảo cho các nhà hoạt động thực tiễn trong quá trình thực hiện sự lãnh đạo của ĐCSVN đối với NN VN, cũng như trong hoạt động xây dựng, hoàn thiện pháp luật và tổ chức thực hiện pháp luật về ĐCSVN của NN VN trong bối cảnh xây dựng NN PQ XHCN ở Việt Nam và trong tiến trình đổi mới, phát triển nhanh, bền vững và hội nhập quốc tế ở nước ta hiện nay.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài Phần mở đầu, Kết luận và Danh mục tài liệu tham khảo, Luận án kết cấu thành 4 chương:

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu đề tài Luận án.

Chương 2: Cơ sở lý luận của việc hoàn thiện cơ sở pháp lý về sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với Nhà nước Việt Nam hiện nay.

Chương 3: Thực trạng cơ sở pháp lý về sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với Nhà nước Việt Nam hiện nay.

Chương 4: Quan điểm và giải pháp hoàn thiện cơ sở pháp lý về sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với Nhà nước Việt Nam hiện nay.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU ĐỀ TÀI CỦA LUẬN ÁN

Trong các công trình nghiên cứu từ trước đến nay, từ trong nước cũng như ở nước ngoài, có thể nói, chưa có công trình nào nghiên cứu một cách có hệ thống, sâu sắc và trực tiếp về vấn đề hoàn thiện cơ sở pháp lý về sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước mà chủ yếu đề cập đến một số nội dung có liên quan như: đảng chính trị và đảng cầm quyền; nâng cao năng lực lãnh đạo của ĐCSVN với tư cách là đảng cầm quyền; đổi mới hệ thống chính trị, đổi mới phương thức lãnh đạo của ĐCSVN đối với NNVN... Tuy nhiên, để có cái nhìn khái quát về vấn đề nghiên cứu của Luận án, ta có thể xem xét, đánh giá các công trình nghiên cứu ở nước ngoài và trong nước về các nội dung có liên quan theo các nhóm vấn đề sau:

1.1. Các công trình nghiên cứu về sự cần thiết phải có đảng chính trị cầm quyền, đảng lãnh đạo đối với nhà nước ở các quốc gia hiện nay

1.2. Các công trình nghiên cứu về tính tất yếu, chức năng, nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với Nhà nước Việt Nam.

1.3. Các công trình nghiên cứu phải hoàn thiện, quan điểm và giải pháp hoàn thiện cơ sở pháp lý về sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với Nhà nước Việt Nam

1.4. Khái quát những vấn đề đã thống nhất và những vấn đề bỏ ngỏ, tranh luận

1.4.1. Các vấn đề đã thống nhất

Một là, trong các công trình nghiên cứu, các tác giả đều khẳng định tính cần thiết phải có đảng chính trị cầm quyền trong các nhà nước hiện đại để thực hiện vai trò định

hướng, lãnh đạo nhà nước và xã hội phát triển bền vững.

Hai là, các nghiên cứu đều cho rằng: đảng cầm quyền và nhà nước đều là các thiết chế thực hiện sự ủy quyền từ quyền lực của nhân dân, song đảng cầm quyền và nhà nước có vai trò, chức năng và phương thức thực hiện vai trò, chức năng hết sức khác nhau.

Ba là, các nghiên cứu trong nước đều thống nhất công nhận tính tất yếu của vai trò lãnh đạo của ĐCSVN đối với NNVN.

Bốn là, các nghiên cứu đều thống nhất nhận định: một trong những giải pháp để nâng cao hiệu quả hoạt động của ĐCSVN và NNVN hơn nữa là cần phải tách bạch, phân biệt giữa chức năng, nhiệm vụ của ĐCSVN với chức năng, nhiệm vụ của NNVN.

1.4.2. Các vấn đề còn bỏ ngỏ hoặc tranh luận

Một là, các nghiên cứu đều tiếp cận vấn đề, mối quan hệ giữa Đảng và Nhà nước của khoa học chính trị và xây dựng Đảng, chưa có những nghiên cứu dưới cách tiếp cận của luật học. Chính vì vậy, những vấn đề như cơ sở pháp lý hay hoàn thiện cơ sở pháp lý cho mối quan hệ lãnh đạo - chịu sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước chưa được xem xét sâu, triệt để. Đây là vấn đề nghiên cứu còn đang bỏ ngỏ.

Hai là, các kết quả nghiên cứu mặc dù đã thống nhất ở việc nhận định cần có sự tách bạch, cụ thể hóa sự lãnh đạo của Đảng với hoạt động quản lý, điều hành của Nhà nước, song các công trình nghiên cứu còn có sự chưa thống nhất trong đưa ra quan điểm: việc minh bạch hóa này được thể hiện trong các quy định của pháp luật hay trong các quy định của Đảng.

Ba là, trong một số nghiên cứu trong nước về ĐCSVN đã có quan điểm đề cập đến việc hoàn thiện các quy định của Hiến pháp và pháp luật về sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và coi đây là một trong những giải pháp để bảo vệ ĐCSVN, NNVN. Tuy nhiên, các quan điểm này mới chỉ dừng lại ở mức độ khơi gợi vấn đề. Đây chính là vấn đề còn bỏ ngỏ, chưa được giải quyết thấu đáo. Vì vậy, chính đây sẽ mở ra nhiệm vụ nghiên cứu mới cho khoa học lý luận.

Bốn là, trong các công trình nghiên cứu có đề cập đến quan điểm hoàn thiện các quy định pháp luật về vai trò lãnh đạo của ĐCSVN với NNVN, giữa các tác giả lại không có sự thống nhất trong việc xác định nội dung hoàn thiện như thế nào? Có tác giả thì cho rằng: hoàn thiện quy định hiện nay trong Hiến pháp thành một chương; có tác giả thì cho rằng: cần xây dựng thành một đạo luật về ĐCSVN.

Chương 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA VIỆC HOÀN THIỆN CƠ SỞ PHÁP LÝ VỀ SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM ĐỐI VỚI NHÀ NƯỚC VIỆT NAM HIỆN NAY

2.1. TÍNH TẮT YẾU, NỘI DUNG, PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM ĐỐI VỚI NHÀ NƯỚC VIỆT NAM HIỆN NAY

2.1.1. Đảng Cộng sản Việt Nam là một đảng chính trị cầm quyền

Sự tồn tại của một hoặc nhiều đảng phái trong đời sống chính trị - xã hội, là một hiện tượng phổ biến ở nhiều quốc gia hiện nay. Vai trò của đảng chính trị đối với nhà nước và xã hội khá rõ nét. Thể hiện ở những điểm sau:

- Đảng chính trị định hướng hệ tư tưởng cho nhà nước và xã hội về các vấn đề cơ bản của mỗi quốc gia như: vấn đề quyền lực nhà nước, quyền lực nhân dân, quản lý và phát triển các quan hệ kinh tế, chính trị, xã hội...
- Đảng chính trị tham gia vào quá trình thực hiện quyền lực nhà nước thông qua việc cử đảng viên vào bộ máy nhà nước.
- Đảng chính trị đối lập tham gia giám sát hoạt động của đảng cầm quyền trong việc lãnh đạo nhà nước thực hiện các quyền lực nhà nước hợp hiến và hợp pháp.
- Đảng chính trị thực hiện việc bảo vệ các lợi ích của giai cấp, tầng lớp mình đại diện.

Việc xác lập vai trò cầm quyền cho một chính đảng trong đời sống chính trị của một quốc gia có thể thông qua nhiều cách thức: qua sự suy tôn của quốc dân, qua bầu cử, thậm chí qua hoạt động bạo lực áp chế.

Ở Việt Nam, ĐCSVN ra đời lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm nền tảng tư tưởng để vạch ra những mục tiêu và giải pháp cách mạng trong từng thời kỳ, giai đoạn lịch sử. Với tính đúng đắn và phù hợp với thực tế điều kiện lịch sử nước ta của chủ nghĩa Mác - Lênin, cùng với vai trò lãnh đạo xuất chúng của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, ĐCSVN đã thực sự lôi cuốn, thu hút đông đảo giai cấp công nhân và toàn thể nhân dân lao động của dân tộc tham gia vào cuộc cách mạng do ĐCSVN khởi xướng và lãnh đạo. Kết quả to lớn nhất của cuộc cách mạng đó là NNVN ra đời. Từ khi thành lập đến nay, dưới sự lãnh đạo của ĐCSVN, NNVN vẫn tiếp tục kiên định thực hiện mục tiêu, lý tưởng xây dựng CNXH do ĐCSVN vạch ra. Kể từ khi có NNVN ra đời, những thành tích của ĐCSVN với đất nước, với dân tộc đã được nhân dân ghi nhận và dần dần, xác nhận vị trí, vai trò là đảng cầm quyền thực hiện sự lãnh đạo đối với Nhà nước và xã hội trong pháp luật NNVN.

2.1.2. Tính tất yếu của sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với Nhà nước Việt Nam

Ở Việt Nam, những năm cuối của thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, thực dân Pháp tiến hành những chương trình khai thác thuộc địa quy mô lớn khiến đại đa số người lao động, trước hết là nông dân bị đẩy vào đường cùng; bên cạnh đó, cũng đồng thời làm xuất hiện một số ngành công nghiệp như khai khoáng, giao thông vận tải, công nghiệp nhẹ. Từ đây, trong xã hội hình thành một số giai cấp, lực lượng mới như công nhân, tư sản, trí thức, tiểu tư sản. Các cuộc khởi nghĩa yêu nước, chống thực dân Pháp liên tiếp diễn ra nhưng cuối cùng đều thất bại mà nguyên nhân chủ yếu là do thiếu một đường lối cách mạng đúng đắn; thiếu tổ chức chặt chẽ và thiếu lực lượng lãnh đạo cách mạng. Sau khi tiếp cận, nghiên cứu về chủ nghĩa Mác - Lênin, cuộc cách mạng XHCN tháng Mười Nga vĩ đại (1917) và tình hình cụ thể của đất nước, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã có sự chuẩn bị về lý luận cho sự ra đời của ĐCSVN; ngày 03/02/1930, ĐCSVN chính thức được thành lập. Ngay sau đó, tháng 10/1930, tại Hội nghị Trung ương lần thứ nhất ĐCSVN đã đề ra Luận cương chính trị để xác định phương thức, lực lượng và chiến lược của cách mạng Việt Nam.

Việc ra đời Cương lĩnh chính trị của ĐCSVN đã chấm dứt sự bế tắc về lý luận cách mạng cũng như con đường cách mạng của dân tộc tại thời kỳ đó. Bằng những lý luận đúng đắn, khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin về đấu tranh giai cấp, giải phóng dân tộc ở các quốc gia thuộc địa, về động lực và lực lượng cách mạng vô sản và dân tộc thuộc địa..., ĐCSVN đã vận dụng vào thực tiễn xã hội Việt Nam và thực sự đã thu hút, tập hợp được đông đảo các tầng lớp nhân dân yêu nước đồng lòng đi theo ĐCSVN tiến hành cuộc cách mạng dân tộc.

Trong bối cảnh lịch sử bấy giờ, sự xuất hiện ĐCSVN là một tất yếu lịch sử. Tính thuyết phục, niềm tin về vai trò lãnh đạo của ĐCSVN đối với NNVN và toàn xã hội xuất phát từ chính năng lực lãnh đạo và kết quả các cuộc cách mạng của dân tộc do ĐCSVN khởi xướng và dẫn dắt. Sự lãnh đạo này được nhân dân tự nguyện, tự giác suy tôn. ĐCSVN không thể chỉ thị, bắt buộc NNVN và xã hội thực hiện chủ trương, đường lối của mình mà sự tự nguyện chấp thuận sự lãnh đạo của ĐCSVN của NNVN và xã hội được xuất phát chính từ tính đúng đắn, phù hợp của chủ trương, đường lối đó.

2.1.3. Nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với Nhà nước Việt Nam hiện nay

Đảng Cộng sản Việt Nam thực hiện vai trò lãnh đạo đối với NNVN thông qua các

nội dung và phương thức lãnh đạo cụ thể.

Nội dung lãnh đạo của ĐCSVN đối với NNVN thể hiện ở phạm vi các công việc của Nhà nước mà Đảng cần tác động, lãnh đạo để Nhà nước thực hiện theo ý chí của Đảng. Nội dung lãnh đạo của ĐCSVN có tính lịch sử, phù hợp với từng giai đoạn cụ thể của đất nước. Cụ thể là:

- Đảng lãnh đạo Nhà nước trong việc tổ chức bộ máy nhà nước.
- Đảng lãnh đạo Nhà nước thực hiện các chức năng quản lý đất nước hoạt động trên các mặt công tác: lập pháp, hành pháp và tư pháp.

Phương thức lãnh đạo của ĐCSVN đối với NNVN là cách thể hiện, cách tiến hành các hoạt động lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước. Hiện nay, Đảng thực hiện vai trò lãnh đạo của mình đối với Nhà nước thông qua các phương thức sau:

- Đảng đề ra các chủ trương, đường lối cho tổ chức và hoạt động của Nhà nước.
- Đảng lãnh đạo NNVN bằng công tác cán bộ.
- Đảng lãnh đạo NNVN bằng hệ thống các tổ chức của Đảng được tổ chức bên cạnh và trong lòng các cơ quan nhà nước.
- Đảng lãnh đạo NNVN bằng công tác giám sát, kiểm tra cơ quan nhà nước trong việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng.

2.2. CƠ SỞ PHÁP LÝ VỀ SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN ĐỐI VỚI NHÀ NƯỚC VIỆT NAM HIỆN NAY

2.2.1. Khái niệm cơ sở pháp lý và sự cần thiết phải xây dựng cơ sở pháp lý về sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với Nhà nước Việt Nam

Cơ sở pháp lý về sự lãnh đạo của ĐCSVN đối với NNVN là tổng thể các QPPL xác lập các nguyên tắc hiến định về vị trí, vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, phạm vi nội dung, phương thức lãnh đạo và trách nhiệm của Đảng đối với tổ chức và hoạt động của Nhà nước nhằm bảo đảm cho Đảng thực hiện sự lãnh đạo đối với Nhà nước một cách hợp pháp, có hiệu quả, có trách nhiệm; bảo đảm hiệu lực của nhà nước, quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân.

2.2.2. Nội dung, hình thức của cơ sở pháp lý về sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với Nhà nước Việt Nam

Về nội dung, CSPL về sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước bao gồm:

- Các QPPL trong Hiến pháp xác lập nguyên tắc hiến định về vị trí, vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước;

- Các QPPL trong các văn bản QPPL khác quy định nội dung, phương thức lãnh đạo và chế độ chịu trách nhiệm của Đảng đối với tổ chức và hoạt động của Nhà nước.

Về hình thức, CSPL về sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước có thể được biểu hiện ở tất cả những quy phạm được chứa đựng ở các văn bản QPPL.

Hiện nay, theo hệ thống pháp luật của nước ta, CSPL về sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước có hai hình thức biểu hiện đó là được quy định trong Hiến pháp và được quy định trong các văn bản QPPL.

Bên cạnh đó, Đảng đã lãnh đạo xã hội, dân tộc Việt Nam thực hiện cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ và bắt đầu thực hiện vai trò lãnh đạo đối với Nhà nước từ khi thành lập lên NNVN sau thắng lợi của cuộc cách mạng tháng Tám năm 1945. Vì vậy, trên thực tế, Đảng thực hiện vai trò lãnh đạo của mình đối với NNVN không phải từ khi có các quy định Hiến pháp và pháp luật, mà ngay từ khi thành lập NNVN với các quy định của Đảng. Vì vậy, nghiên cứu về CSPL và việc hoàn thiện CSPL về sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, ngoài việc nghiên cứu các quy định trong Hiến pháp và các QPPL đang là CSPL cho sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước thì cần thiết phải nghiên cứu thêm những quy định của Đảng về vấn đề này.

2.3. HOÀN THIỆN CƠ SỞ PHÁP LÝ VỀ SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM ĐỐI VỚI NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

2.3.1. Khái niệm và sự cần thiết phải hoàn thiện cơ sở pháp lý về sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với Nhà nước Việt Nam

Hoàn thiện CSPL về sự lãnh đạo của Đảng được hiểu là hoạt động sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật là CSPL hiện có và xây dựng thêm những quy định pháp luật mới về sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước nhằm đáp ứng được yêu cầu về vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước trong điều kiện xây dựng NNPQVN hiện tại và xu thế phát triển trong tương lai.

Trong giai đoạn hiện nay, chúng ta đặt ra vấn đề cần phải hoàn thiện CSPL về sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước bởi những lý do sau:

- Hiện nay, điều chỉnh mối quan hệ giữa Đảng và Nhà nước, ngoài Điều 4 Hiến pháp mang tính nguyên tắc, có rất ít các quy định pháp luật cụ thể khác. Do đó, Đảng, Nhà nước cần tiếp tục cụ thể hóa Điều 4 Hiến pháp năm 2013 thành một hệ thống các quy định pháp luật về sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, góp phần hoàn thiện CSPL về sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước trong giai đoạn hiện nay.

- Việc hoàn thiện CSPL về mối quan hệ lãnh đạo - chịu sự lãnh đạo này của Đảng

và Nhà nước không chỉ là đòi hỏi về mặt lý luận cho việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống luật pháp mà còn là điều kiện đảm bảo thực hiện khoản 2 Điều 4 của Hiến pháp năm 2013 về chế độ chịu sự giám sát và chịu trách nhiệm trước Nhân dân của Đảng.

- Việc hoàn thiện CSPL về sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước nhằm xác định rõ trách nhiệm, nhiệm vụ của Đảng với trách nhiệm, nhiệm vụ của Nhà nước nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của hai thiết chế chính trị này.

- Hoàn thiện hệ thống pháp luật trong đó có các quy định về sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội còn là mong muốn nội tại của Đảng: xây dựng một nền dân chủ thực chất và có hiệu quả.

2.3.2. Mục tiêu và nguyên tắc hoàn thiện cơ sở pháp lý về sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với Nhà nước Việt Nam

Việc hoàn thiện CSPL về sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước có các mục tiêu sau:

Mục tiêu chung:

Xây dựng một nền tảng pháp lý vững chắc cho sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước bảo đảm giữ vững và phát huy quyền lãnh đạo của Đảng trong bối cảnh hiện tại và tương lai của đất nước và quốc tế; đáp ứng được yêu cầu xây dựng NN PQ XHCN và các tiêu chí của NN PQ, xã hội pháp quyền, thực hiện dân chủ trong Đảng, trong xã hội và triển khai Hiến pháp năm 2013, trong đó có Điều 4.

Mục tiêu cụ thể:

- Sử dụng pháp luật để điều chỉnh trực tiếp sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước trở thành quan hệ pháp luật chứ không chỉ dừng lại ở quan hệ chính trị đơn thuần, nhờ đó mà nhiệm vụ, chức năng của Đảng, Nhà nước được đảm bảo thực hiện bằng pháp luật;

- Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, tổ chức đảng đối với cơ quan nhà nước tương ứng luôn luôn được thực hiện trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật; rành mạch trách nhiệm của tổ chức, cá nhân tham gia trong quan hệ lãnh đạo - chịu sự lãnh đạo. Tổ chức, cá nhân nào vượt quá khuôn khổ đó sẽ phải chịu trách nhiệm trước Hiến pháp, pháp luật và của kỷ luật của Đảng.

Để có thể đạt được các mục tiêu trên, trong quá trình hoàn thiện CSPL về sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước cần phải tuân thủ **những nguyên tắc cơ bản** sau:

- Việc hoàn thiện CSPL về sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước phải dựa trên các quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và Đảng về đảng cầm quyền trong sự nghiệp xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc XHCN.

- Việc hoàn thiện CSPL về sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước phải xuất phát từ các quan điểm của Đảng về tiếp tục đảm bảo và nâng cao sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước trong điều kiện xây dựng và phát huy hiệu lực của Nhà nước pháp quyền Việt Nam.

- Việc hoàn thiện CSPL về sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước gắn liền với xây dựng nền dân chủ XHCN, nhằm đảm bảo kết quả hoàn thiện CSPL là ý chí, nguyện vọng của nhân dân và được nhân dân ủng hộ, bảo vệ.

2.3.3. Chủ thể, nội dung, hình thức và phương pháp hoàn thiện cơ sở pháp lý về sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với Nhà nước Việt Nam

Chủ thể thực hiện việc hoàn thiện CSPL về sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước là Nhà nước. Tuy nhiên, để thực hiện tốt nhiệm vụ này cần thiết phải được sự đồng thuận và ủng hộ có trách nhiệm của toàn hệ thống chính trị và xã hội; cụ thể ở vai trò lãnh đạo của Đảng và tham gia phối hợp của nhân dân.

Nội dung của việc hoàn thiện CSPL chính là việc hoàn thiện các QPPL trực tiếp điều chỉnh sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước để nhằm cụ thể hóa các quy định của Hiến pháp về quyền lãnh đạo của Đảng; đảm bảo tính thống nhất, tính chặt chẽ của hệ thống các quy định pháp luật, phù hợp với các nguyên tắc xây dựng hệ thống pháp luật của Nhà nước ta hiện nay và để các quy định tại Hiến pháp có đủ giá trị thực thi trong đời sống chính trị - kinh tế - xã hội của quốc gia.

Hình thức của việc hoàn thiện CSPL được đặt ra ở hai cấp độ. Một là, hoàn thiện, bổ sung vào các quy định pháp luật hiện có; Hai là, xây dựng Luật về ĐCSVN trong đó tập trung cụ thể hóa sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước (và cả xã hội) ở những nội dung và hình thức nào.

Phương pháp hoàn thiện CSPL về sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước bao gồm:

Việc hoàn thiện CSPL về sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước cần thực hiện bởi những phương pháp sau đây:

Về phương pháp luận:

Việc hoàn thiện CSPL về sự lãnh đạo của Đảng phải được thực hiện nhất quán theo quan điểm của Chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về lý luận Đảng với tư cách là đảng cầm quyền, thực hiện vai trò lãnh đạo Nhà nước và xã hội thực hiện thắng lợi các mục tiêu xây dựng và phát triển theo định hướng XHCN.

Các phương pháp cụ thể:

Phương pháp tập hợp hóa, phương pháp pháp điển hóa, phương pháp phân tích đánh giá, phương pháp so sánh, phương pháp liên ngành (xây dựng Đảng, tổ chức nhà nước, ...)

Trong quá trình xây dựng và hoàn thiện CSPL về sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, không có sự tách bạch cụ thể trong việc sử dụng các phương pháp mà là sự đan xen, kết hợp các phương pháp với nhau trong từng nội dung nhiệm vụ, nhằm đảm bảo việc xây dựng một CSPL về sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước có tính hiệu quả cao, vừa mang tính đặc thù của Việt Nam, vừa phù hợp với xu hướng quốc tế trong các quan hệ chính trị - pháp lý tương đồng.

Chương 3

THỰC TRẠNG CƠ SỞ PHÁP LÝ VỀ SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM ĐỐI VỚI NHÀ NƯỚC VIỆT NAM HIỆN NAY

3.1. CÁC QUY ĐỊNH TRONG HIẾN PHÁP VỀ SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM ĐỐI VỚI NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

* Các quy định trong Hiến pháp năm 1946

Hiến pháp năm 1946 (thông qua ngày 09/11/1946), tuy không quy định trực tiếp về Đảng nhưng Lời nói đầu của Hiến pháp đã ghi nhận ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tháng Tám năm 1945 - một thành quả hết sức to lớn của cuộc cách mạng dân tộc do Đảng khởi xướng và lãnh đạo.

* Các quy định trong Hiến pháp năm 1959

Lời nói đầu Hiến pháp năm 1959 đã trực tiếp ghi nhận vị trí, vai trò lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam; đồng thời xác định rõ Đảng là lực lượng tiếp tục lãnh đạo sự nghiệp xây dựng CNXH ở miền Bắc và thực hiện thống nhất nước nhà. Đây đã là một bước tiến rõ rệt trong việc đặt nền móng xác lập cơ sở pháp lý cho sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước so với Hiến pháp năm 1946.

* Các quy định trong Hiến pháp năm 1980

Không chỉ được ghi nhận về những đóng góp đối với lịch sử dân tộc, với Nhà nước và xã hội tại Lời nói đầu, mà lần đầu tiên trong lịch sử lập hiến, trong bản Hiến pháp năm 1980, vai trò lãnh đạo của ĐCSVN đối với NNVN đã được quy định thành một điều riêng

biệt - Điều 4.

* Các quy định trong Hiến pháp năm 1992

Trong Hiến pháp năm 1992, vị trí, vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội được nhắc đến 4 lần trong Lời nói đầu và 01 lần trong Điều 4.

* Các quy định trong Hiến pháp năm 2013

Trong Hiến pháp năm 2013, vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước được nhắc đến 03 lần (02 lần trong Lời Nói đầu và 01 lần tại Điều 4). Có thể nói, kể từ khi Hiến pháp năm 1980 dành một điều để xác lập CSPL cho tổ chức và hoạt động của Đảng đến nay thì Hiến pháp năm 2013 có quy định về CSPL này dài nhất và có nội dung mở rộng nhất như quy định chế độ trách nhiệm của Đảng đối với Nhà nước.

3.2. CÁC QUY ĐỊNH TRONG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT KHÁC VỀ SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM ĐỐI VỚI TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội được kết tinh trong từng nội dung các QPPL. Đó là sự phù hợp, thống nhất giữa chủ trương, đường lối của Đảng với những tinh thần, nội dung của luật pháp. Tuy nhiên, để Đảng thực hiện được vai trò lãnh đạo đối với Nhà nước, về mặt pháp lý, ngoài những quy định trong Hiến pháp về vị trí, vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước thì còn có một số QPPL trực tiếp điều chỉnh, bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng trong các hoạt động của Nhà nước, mặc dù số lượng các QPPL này là rất ít.

3.2.1. Các quy định về phạm vi, mức độ, tính chất các lĩnh vực công tác của Nhà nước mà Đảng lãnh đạo

* Đối với việc lãnh đạo công tác tổ chức bộ máy Nhà nước

Qua nghiên cứu các văn bản này cho thấy không có quy định pháp luật nào quy định trực tiếp về sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác tổ chức bộ máy nhà nước. Đây là một trong những nội dung thiếu hụt của CSPL về sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước hiện nay.

* Đối với công tác lập pháp; hành pháp và tư pháp số lượng các QPPL quy định cụ thể về vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước rất ít như: tại các điều 31 (về Chương trình xây dựng pháp luật, pháp lệnh), Điều 32 (Đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh của cơ quan, tổ chức), Khoản 3 Điều 65 (Nội dung thẩm tra nội dung dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết), Khoản 3 Điều 84 (Đề nghị xây dựng Nghị định), Điểm b Khoản 3 Điều

88 (Thẩm định đề nghị xây dựng nghị định), Điểm b Khoản 3 Điều 102 (Thẩm định dự thảo thông tư), Điểm b Khoản 3 Điều 124 (Thẩm tra dự thảo nghị quyết HĐND cấp tỉnh)... của Luật ban hành văn bản QPPL năm 2015 (có hiệu lực từ ngày 01/7/2016). Điểm 5 Điều 8 Luật Ngân sách năm 2015; Khoản 1 Điều 3 Luật Giáo dục an ninh quốc phòng năm 2013... đều quy định về việc đảm bảo những nội dung dự thảo các văn bản pháp luật phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng; ngân sách phải ưu tiên đảm bảo các hoạt động của Đảng... Tuy nhiên, chúng ta cũng nhận thấy các quy định đó của pháp luật mới chỉ xác định về phạm vi các nội dung công tác của NNVN mà ĐCSVN lãnh đạo; song mức độ và tính chất đạt đến độ như thế nào của các nội dung công tác này cần có sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng (ngoài mức độ và tính chất như vậy thì thuộc thẩm quyền, trách nhiệm tự quyết của Nhà nước) thì pháp luật chưa quy định.

3.2.2. Các quy định về những chức danh, vị trí trong bộ máy cơ quan nhà nước mà Đảng Cộng sản Việt Nam giới thiệu người của Đảng Cộng sản Việt Nam đảm nhiệm

Tại Khoản 1 Điều 8, Luật bầu cử Đại biểu quốc hội và đại biểu hội đồng nhân dân năm 2015; tại Mục 2, Mục 3 Chương V về hiệp thương, giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội và HĐND các cấp đều quy định về vai trò của MTTQ trong việc chủ trì với ban lãnh đạo các tổ chức chính trị - xã hội để hiệp thương xin ý kiến về số lượng đại biểu, danh sách đại biểu và đơn vị tổ chức bầu cử, trong khi đó, tại Khoản 4 Điều 4 về nguyên tắc tổ chức và hoạt động của MTTQVN đã quy định về vị trí của Đảng là thành viên lãnh đạo của MTTQ đã đảm bảo vai trò lãnh đạo của Đảng đối với việc bầu cử đại biểu nhân dân tham gia các cơ quan đại diện nhân dân trong bộ máy nhà nước;

Ngoài ra, trong công tác cán bộ tại các cơ quan có một số quy định về vai trò lãnh đạo của Đảng như: Quyết định số 27/2003/QĐ-TTg ngày 19/02/2003 của Thủ tướng Chính phủ về quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ, công chức lãnh đạo; Điểm 6.3 của Quyết định số 82/2004/QĐ-BNV ngày 17/11/2004 của Bộ Nội vụ quy định đối với chức danh là Giám đốc các sở chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh phải tốt nghiệp lý luận chính trị cao cấp; Khoản 1, Điều 5, Luật Cán bộ, công chức năm 2008 quy định về nguyên tắc quản lý cán bộ, công chức tại Khoản 1 Điều 5: "*Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự quản lý của Nhà nước*". ...Điều này được hiểu toàn bộ hoạt động quản lý cán bộ, công chức, viên chức, người lao động như: kế hoạch xây dựng đội ngũ; tổ chức tuyển dụng, sử dụng, đào tạo bồi dưỡng và xem xét xử lý kỷ luật nếu có

hành vi vi phạm bên cạnh việc chấp hành theo các quy định của pháp luật thì luôn phải đảm bảo theo đúng chủ trương, đường lối của Đảng. ...

Như vậy, trong các nhóm vấn đề để bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước mới có hai nhóm được xác lập CSPL là: nguyên tắc bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của Đảng đối với Nhà nước và phương thức lãnh đạo bằng công tác cán bộ ở các cơ quan nhà nước, mặc dù nội dung CSPL chưa được đầy đủ, hoàn thiện; còn nhiều nội dung khác của CSPL này chưa được xây dựng. Cụ thể như:

- Các quy định pháp luật về trách nhiệm Đảng xây dựng chủ trương, đường lối để lãnh đạo Nhà nước;
- Các quy định về cấu trúc tổ chức của Đảng;
- Các quy định về vai trò tiên phong, gương mẫu của đảng viên trong các cơ quan nhà nước.
- Các quy định pháp luật về việc Đảng kiểm tra và giám sát Nhà nước trong việc thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng;
- Các quy định pháp luật về chế độ trách nhiệm của Đảng trong việc lãnh đạo Nhà nước (đồng thời, cũng là chế độ trách nhiệm của Nhà nước trong việc tiếp nhận sự lãnh đạo của Đảng).

Qua tổng hợp, phân tích và đánh giá hiện trạng CSPL hiện có; chúng ta nhận thấy sự thiếu hụt rất lớn CSPL về sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước. Nếu như CSPL về sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước cần quy định về bảy nhóm nội dung thể hiện sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước thì thực tế, trong hệ thống pháp luật của chúng ta mới chỉ có hai nhóm nội dung được pháp luật quy định, thậm chí nội dung và số lượng các QPPL này cũng rất hạn chế; năm nhóm nội dung còn lại vẫn chưa được pháp luật quy định. Nhưng trên thực tế, những vấn đề trên vẫn được Đảng, Nhà nước thực hiện; song đó là việc thực hiện theo các quy định của Đảng; ví dụ như:

- Những văn bản của Đảng chứa đựng những quy định xác định về nội dung và hình thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước: Văn bản số 261- CV/TW ngày 03/12/1988 của Ban Bí thư Trung ương Đảng quy định phạm vi, tính chất những nội dung, công tác xây dựng pháp luật của Nhà nước mà Đảng trực tiếp cho ý kiến lãnh đạo; hoặc Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020, Đảng giao nhiệm vụ lãnh đạo về công tác lập pháp cho tổ chức đảng trong các cơ quan nhà nước có chức năng

lập pháp như chỉ đạo xây dựng chương trình xây dựng luật, giám sát chất lượng và tiến độ...; hoặc Nghị quyết Hội nghị TW 5, khóa X về tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị. Đây là văn bản của Đảng đã xác định cụ thể những nội dung và phương pháp thực hiện sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước. Trong đó, Đảng xác định phạm vi những vấn đề trong công tác lập pháp, hành pháp và tư pháp thuộc trách nhiệm các tổ chức của Đảng như BCH TW, Bộ Chính trị, BCS đảng của các cơ quan như Quốc hội, Chính phủ, Kiểm toán, TAND tối cao, VKSND tối cao và các cấp ủy đảng ở cơ sở phải ra chủ trương, đường lối lãnh đạo các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, chức năng thực hiện...

- Các văn bản về cấu trúc tổ chức của Đảng Cộng sản Việt Nam; trách nhiệm đào tạo, bồi dưỡng, giới thiệu người của Đảng Cộng sản Việt Nam vào đảm nhiệm các chức danh, vị trí lãnh đạo trong bộ máy cơ quan nhà nước và về vai trò tiên phong, gương mẫu của đảng viên trong các cơ quan nhà nước:

Điều 10, Điều lệ Đảng khóa XI quy định: *"Hệ thống tổ chức của Đảng được lập tương ứng với hệ thống tổ chức hành chính của Nhà nước"* và trong Nghị quyết 15-NQ/TW ngày 30/7/2007 của BCH TW khóa X quy định trách nhiệm BCH TW, Bộ Chính trị trong việc thành lập, kiện toàn Đảng đoàn Quốc hội; BCS đảng Chính phủ, BCS đảng TAND tối cao; BCS đảng VKSND tối cao; BCS đảng Kiểm toán nhân dân tối cao...Đồng thời, quy định trách nhiệm của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các BCS, Đảng đoàn... trong việc xây dựng các quy chế làm việc quy định quan hệ chỉ đạo, lãnh đạo giữa Bộ Chính trị, Ban Bí thư với các Đảng đoàn và BCS...

Cũng trong Nghị quyết 15-NQ/TW ngày 30/7/2007, Đảng cũng quy định các cấp ủy đảng ở địa phương thành lập Đảng đoàn HĐND, BCS đảng TAND, VKSND ở cấp tỉnh; đồng thời yêu cầu xác định rõ quy chế làm việc, trách nhiệm của cấp ủy đảng và các đảng đoàn, BCS đảng trong HĐND, TAND và VKSND cấp tỉnh...

Trên cơ sở các quy định này, hiện nay, Đảng được tổ chức thành một hệ thống các cơ quan đảng chuyên trách song song với hệ thống các cấp chính quyền; đồng thời, trong mỗi cơ quan nhà nước ở mọi cấp đều có các tổ chức đảng hoạt động nhằm thực hiện vai trò trực tiếp lãnh đạo chính quyền tại các cơ quan nhà nước. Việc quy định hệ thống cấu trúc tổ chức Đảng, đồng nghĩa cũng là trách nhiệm tiếp nhận, thực hiện quy định này của các cơ quan nhà nước. Chính vì vậy, các cơ quan nhà nước phải đảm bảo các yêu cầu, điều kiện để các tổ chức này hoạt động như trụ sở, điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ hoạt động cũng như chế độ làm việc và lương, phụ cấp cho những người làm việc trong

các tổ chức này... Ngoài ra, về công tác cán bộ, Bộ Chính trị đã ban hành Quy định số 54-QĐ/TW ngày 12/5/1999 quy định về chế độ học tập chính trị trong Đảng. Trong đó quy định: việc học tập nâng cao trình độ lý luận chính trị gắn với việc tiêu chuẩn hóa cán bộ, đảng viên ở các cấp, các ngành... Những quy định trên chính là những căn cứ để Nhà nước triển khai thực hiện trên thực tế công tác cán bộ như: xét tiêu chuẩn để bổ nhiệm; luân chuyển, đánh giá cán bộ....nhằm đảm bảo công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức, đặc biệt là cán bộ, công chức, viên chức giữ chức vụ quản lý hoặc ở những vị trí quan trọng trong cơ quan nhà nước là người do Đảng giới thiệu hoặc nhất trí.

- Các văn bản của Đảng về việc Đảng kiểm tra và giám sát Nhà nước trong việc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng và chế độ trách nhiệm của Đảng trong việc lãnh đạo Nhà nước (đồng thời, là chế độ trách nhiệm của Nhà nước trong việc tiếp nhận sự lãnh đạo của Đảng).

Đối với hoạt động kiểm tra, giám sát của Đảng, Đảng đã có một số văn bản quy định cụ thể. Phần nhiều trong số đó là các quy định, hướng dẫn quy trình nghiệp vụ để Đảng thực hiện trong nội bộ tổ chức đảng; song cũng có một số quy định chứa đựng những nội dung để Nhà nước căn cứ vào đó thực hiện việc tiếp nhận sự kiểm tra, giám sát của Đảng; ví dụ như: Chương VII Điều lệ ĐCSVN khóa X năm 2011 và Hướng dẫn thực hiện các quy định về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng; hoặc trong Chương VII và Chương VIII Điều lệ Đảng khóa XI ban hành kèm theo Quyết định số 46-QĐ/TW, ngày 01/11/2011 của BCH TW đã quy định về trách nhiệm kiểm tra, giám sát của Đảng;...

Căn cứ quy định này, những đảng viên làm việc trong các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị xã hội,... có vi phạm kỷ luật Đảng, bị Đảng xem xét, xử lý kỷ luật đều tiếp tục bị chính quyền cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị xã hội xem xét, xử lý về mặt chính quyền hoặc đoàn thể đồng bộ với kỷ luật đảng hoặc ngược lại.

Như vậy, về thực trạng các quy định trong Hiến pháp và pháp luật hiện hành về sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước có thể đánh giá như sau:

- Vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội đã được quy định trong Hiến pháp. Trong toàn bộ nội dung các bản Hiến pháp của Việt Nam, vai trò lãnh đạo này có thể được thể hiện dưới dạng gián tiếp (thông qua ghi nhận thành quả cách mạng do Đảng lãnh đạo thực hiện), hoặc trực tiếp; từ việc quy định ở Lời Nói đầu đến việc cụ thể thành một điều trong Hiến pháp.

- Số lượng các văn bản QPPL của Nhà nước về sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước hiện nay rất ít. So với tổng thể các nội dung của CSPL về sự lãnh đạo của Đảng đối

với Nhà nước có thể khẳng định rằng, số lượng các quy định pháp luật trên không phản ánh được đầy đủ về sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước. Đồng thời, các QPPL làm CSPL về sự lãnh đạo của ĐCSVN đối với NNVN nằm rải rác ở các văn bản khác nhau, nhưng hầu hết lại có nội dung trùng lặp, mang tính chất là các nguyên tắc bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng đối với một số hoạt động của Nhà nước.

- Trên thực tế, có nhiều quy định của Đảng được các tổ chức đảng, đảng viên và đồng thời là các cơ quan nhà nước thực hiện trực tiếp nhằm bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước.

3.3. KINH NGHIỆM XÁC LẬP CƠ SỞ PHÁP LÝ VỀ SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG CHÍNH TRỊ ĐỐI VỚI NHÀ NƯỚC TẠI MỘT SỐ QUỐC GIA TRÊN THẾ GIỚI

3.4.1. Tại các quốc gia có thể chế chính trị đa đảng

Trong nội dung hiến pháp của hầu hết các quốc gia có thể chế chính trị đa đảng đều quy định về các đảng phái chính trị. Theo đó, các việc thành lập các đảng phái chính trị là một quyền dân chủ và phải tuân theo các thủ tục, điều kiện cụ thể. Ví dụ như: Điều 49 Cộng hòa Italia, năm 1947; Điều 4 Hiến pháp Cộng hòa Pháp năm 1958; Điều 8 Hiến pháp nước Cộng hòa Hàn Quốc, năm 1987, ...

Việc quy định cụ thể các điều kiện để tổ chức và hoạt động hợp pháp của các đảng chính trị đồng nghĩa với việc các đảng phái này hoàn toàn bị xử lý bằng chế tài của pháp luật nếu vi phạm các điều kiện trên, thậm chí bị giải tán như Điều 40, Điều 41 Luật các đảng chính trị của Cộng hòa Macedonia (Phụ lục 1); Điều 16, Điều 33 Đạo luật các đảng phái chính trị Nước cộng hòa liên bang Đức (Phụ lục 2).

Trong pháp luật của các quốc gia này, chế định bầu những vị trí chủ chốt trong bộ máy nhà nước như người đứng đầu quốc gia, nghị viện, tư pháp, cũng như những quy định về thẩm quyền của những vị trí này trong Hiến pháp....chính là những biểu hiện của việc pháp luật quy định mối quan hệ giữa đảng chính trị và nhà nước. Thông qua chế định bầu cử, các đảng chính trị đã đưa thành viên của đảng vào bộ máy nhà nước; sự chuyển hóa vai trò lãnh đạo của đảng chính trị đối với nhà nước được thể hiện trực tiếp thông qua các cá nhân này. Vì vậy, trong quan hệ với nhà nước, trách nhiệm của đảng chính trị về mặt pháp lý chủ yếu được biểu hiện ở trách nhiệm của cá nhân mà đảng ủy quyền.

3.4.2. Việc xác lập cơ sở pháp lý về sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản tại Trung Quốc

Hiến pháp Nước cộng hòa nhân dân Trung Hoa (có hiệu lực từ 4/12/1982 và được chỉnh sửa, bổ sung 4 lần vào các năm 1988, 1993, 1999, và 2004) cho phép các đảng phái

hoạt động (đa đảng tham chính) song chỉ có một đảng thực hiện vai trò, vị trí lãnh đạo toàn diện, duy nhất là Đảng Cộng sản (một đảng chấp chính).

Tuy nhiên, hiện nay, trong bộ máy nhà nước cộng hòa nhân dân Trung Hoa, đang thực hiện nhất thể hóa một số chức danh người đứng đầu nhà nước với người đứng đầu đảng; một số cơ quan của nhà nước với cơ quan đảng chính vì vậy, không thể tách bạch: đảng lãnh đạo, đề ra đường lối, nghị quyết; còn nhà nước triển khai thực hiện mà thực sự, lúc này, sự lãnh đạo của đảng đã trở thành một bước trong quy trình hoạt động của nhà nước; trách nhiệm của đảng gắn liền với trách nhiệm của nhà nước.

Chương 4

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CƠ SỞ PHÁP LÝ VỀ SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI NHÀ NƯỚC Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

4.1. NHỮNG YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUÁ TRÌNH HOÀN THIỆN CƠ SỞ PHÁP LÝ VỀ SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM ĐỐI VỚI NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

4.1.1. Nhận thức của cán bộ, đảng viên về tính cần thiết của việc hoàn thiện

4.1.2. Sự ổn định về chính trị

4.1.3. Sự phát triển về kinh tế - xã hội

4.2. QUAN ĐIỂM VỀ HOÀN THIỆN CƠ SỞ PHÁP LÝ VỀ SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM ĐỐI VỚI NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

4.2.1. Việc hoàn thiện cơ sở pháp lý về sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với Nhà nước Việt Nam nhằm góp phần xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam; phát huy quyền làm chủ của người dân đi đôi với việc nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Đảng và Nhà nước trong điều kiện một Đảng cầm quyền lãnh đạo Nhà nước và xã hội

4.2.2. Hoàn thiện cơ sở pháp lý về sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam nhằm tạo ra cơ chế bảo vệ Đảng, bảo vệ Nhà nước, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa một cách hiệu quả trong điều kiện hiện nay

4.2.3. Hoàn thiện cơ sở pháp lý về sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước phải đảm bảo đúng các quy định pháp luật về xây dựng và hoàn thiện pháp luật nhằm tạo ra cơ sở pháp lý hoàn thiện hơn so với hiện nay, đáp ứng yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền, hội nhập quốc tế

4.3. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CƠ SỞ PHÁP LÝ VỀ SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM ĐỐI VỚI NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

4.3.1. Đổi mới tư duy chính trị- pháp lý về sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với Nhà nước Việt Nam trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

- Cần nhận thức rõ NNPQ XHCN ở Việt Nam là nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân; là nhà nước được xây dựng trên nền một xã hội dân sự, trong đó, mọi cá nhân, tổ chức, kể cả tổ chức chính trị đều phải tôn trọng và thực hiện pháp luật một cách đầy đủ, nghiêm chỉnh, thống nhất. Do vậy, việc pháp luật hóa sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước chính là minh bạch các quan hệ chính trị - pháp lý này, là tạo thuận lợi cho Đảng, Nhà nước thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của mình theo sự ủy quyền của nhân dân, nâng cao hiệu quả lãnh đạo của Đảng, hiệu quả hoạt động của Nhà nước.

- Việc pháp luật hóa sự lãnh đạo của Đảng sẽ giúp cán bộ, đảng viên, tổ chức đảng, chính quyền làm tốt chức năng, nhiệm vụ của mình; làm rõ trách nhiệm của mỗi bên khi tham gia mối quan hệ lãnh đạo - chỉ đạo này; đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi để Đảng, Nhà nước và nhân dân kiểm tra, giám sát các cá nhân, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ theo sự phân công, ủy quyền của mình.

Để thực hiện tốt giải pháp này, Đảng, Nhà nước cần tập trung giải quyết một số nhiệm vụ sau:

Một là, Đảng cần thiết có những định hướng tuyên truyền, giáo dục để thay đổi tư duy từ cấp lãnh đạo cao nhất của Đảng đến cấp cơ sở về việc hoàn thiện CSPL của Đảng đối với Nhà nước.

Hai là, Đảng và Nhà nước cần tạo sự đồng thuận trong xã hội về vấn đề này.

Đảng cần phổ biến, giáo dục, tuyên truyền các quan điểm định hướng, chỉ đạo của Đảng về tiếp tục hoàn thiện các quy định pháp luật về Đảng, trong đó có các quy định về sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước trong bối cảnh xây dựng NNPQ XHCN Việt Nam nhằm đi tới sự thống nhất nhận thức trong cán bộ, đảng viên và quần chúng ngoài Đảng đang làm việc trong bộ máy Đảng, bộ máy Nhà nước, đặc biệt là các cán bộ, đảng viên là chuyên gia pháp luật, nhà hoạt động thực tiễn pháp luật trong các cơ quan có thẩm quyền xây dựng pháp luật..

4.3.2. Hoàn thiện các quy định pháp luật về Đảng Cộng sản Việt Nam, trong

đó có các quy định về sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với Nhà nước Việt Nam

Việc hoàn thiện các quy định của pháp luật để cụ thể hóa Điều 4 Hiến pháp năm 2013 cần được thực hiện ở hai cấp độ:

Một là, hoàn thiện các QPPL hiện có đang nằm rải rác ở các văn bản QPPL như đã nêu ở phần thực trạng, nhằm đảm bảo trên mọi lĩnh vực công tác của Nhà nước đều có các quy định của pháp luật bảo đảm vai trò lãnh đạo của Đảng. Các quy phạm phải hoàn thiện theo hướng làm rõ, cụ thể hóa những trách nhiệm của Đảng và Nhà nước tại mỗi một chức năng, hoạt động của Nhà nước: nội dung lãnh đạo? hình thức lãnh đạo? cách thức tiếp nhận sự lãnh đạo của Đảng của Nhà nước như thế nào?

Tuy nhiên, giải pháp hoàn thiện này được coi là giải pháp mang tính trước mắt. Ưu điểm của giải pháp là việc hoàn thiện có thể được tiến hành nhanh chóng; những yêu cầu, điều kiện thực hiện ít phức tạp. Tuy nhiên, hạn chế của giải pháp đó là việc hoàn thiện phải tiến hành trên cơ sở rà soát, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện nhiều văn bản pháp luật hiện hành. Đồng thời, với việc hoàn thiện riêng lẻ ở nhiều văn bản quy định ở nhiều lĩnh vực khác nhau sẽ dẫn đến tình trạng có những quy định bị trùng lặp bởi lẽ, tuy lĩnh vực quản lý xã hội khác nhau, song các hình thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước không thay đổi.

Hai là, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước ban hành một đạo luật về Đảng. Đây được coi là giải pháp triệt để nhất. Tuy nhiên, phương án ban hành một đạo luật về Đảng tương đối phức tạp bởi các lý do: điều kiện, yêu cầu để tiến hành (phải đảm bảo sự thuận lợi tốt nhất từ các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình hoàn thiện); quy trình xây dựng luật. Vì vậy, có thể coi đây là phương án hoàn thiện về lâu dài.

Phạm vi điều chỉnh của Luật: quy định vị trí, vai trò của Đảng trong HTCT và xã hội nước ta; quy định trực tiếp sự lãnh đạo của ĐCSVN đối với NNVN.

Đối tượng điều chỉnh của Luật: là các mối quan hệ giữa Đảng với các thiết chế chính trị trong hệ thống chính trị như: Nhà nước, MTTQ và với xã hội, trong đó, tập trung là mối quan hệ giữa Đảng với Nhà nước để thực hiện sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước.

Cấu trúc của Luật: Luật được phân chia thành các chương, điều, khoản. Do tầm quan trọng đặc biệt của mối quan hệ giữa Đảng với Nhà nước nên trong Luật này cần có chương riêng quy định về mối quan hệ giữa Đảng và Nhà nước.

Nội dung chương này bao gồm các quy định về:

- Các nguyên tắc chung về sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước;

- Hệ thống cấu trúc tổ chức của Đảng;
- Phạm vi nội dung và hình thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước;
- Trách nhiệm của Nhà nước trong việc tiếp nhận sự lãnh đạo của Đảng biểu hiện ở

các việc:

- + Tạo điều kiện về cơ sở vật chất kỹ thuật để các tổ chức của Đảng hoạt động;
- + Trách nhiệm phối hợp với cấp ủy cùng cấp để xây dựng quy chế làm việc giữa Bí thư cấp ủy hoặc cấp ủy với thủ trưởng cơ quan nhà nước hoặc ban lãnh đạo của cơ quan nhà nước;
- + Tiêu chuẩn chính trị và quy trình công tác chuẩn bị nhân sự đối với các những vị trí quản lý, lãnh đạo chủ chốt trong cơ quan nhà nước;
- + Nguyên tắc chuyển hóa các hình thức kỷ luật của Đảng thành các chế tài xử lý vi phạm của cơ quan nhà nước và ngược lại.

Để thực hiện được giải pháp trên, Đảng, Nhà nước cần giải quyết đồng bộ một số nhiệm vụ chủ yếu sau:

- Đảng cần tổng kết thực tiễn công tác lãnh đạo của Đảng thời gian qua làm cơ sở cho việc xây dựng các quy định của Luật.
- Nhà nước cần đưa việc xây dựng Dự án Luật vào chương trình xây dựng Luật của Quốc hội và sau đó thực hiện theo quy trình xây dựng và tổ chức thực hiện luật theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.

4.3.3. Nâng cao hơn nữa năng lực lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và năng lực tiếp nhận và chấp hành sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam của Nhà nước Việt Nam

Đảng và Nhà nước cần tiến hành đồng bộ những cải cách trong tổ chức đảng và bộ máy nhà nước nhằm tạo ra một cơ chế chuyển hóa ý chí có hiệu quả nhất nhằm nâng cao sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước.

Đối với cải cách bộ máy nhà nước:

- Đẩy mạnh thực hiện chủ trương thi tuyển cạnh tranh đối với một số chức danh lãnh đạo chủ chốt trong cơ quan Nhà nước. Đảng cần sớm có hướng dẫn, quy định thống nhất đối với Nhà nước, để Nhà nước cụ thể thành các quy định, chính sách pháp luật thực hiện một cách công khai, minh bạch, thường xuyên, liên tục.
- Nhà nước cần đẩy mạnh việc xây dựng và thực thi hệ thống các bản mô tả công việc gắn với từng vị trí việc làm; trên cơ sở đó xác định tiêu chuẩn chức danh trong bộ máy

Nhà nước để đảm bảo tổ chức được một bộ máy nhà nước tinh gọn; đổi mới hình thức tuyển dụng công chức, viên chức để đảm bảo sự cạnh tranh công bằng, minh bạch giữa các thí sinh.

- Cần đẩy mạnh các hoạt động tổng rà soát về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và biên chế hiện có của các cơ quan nhà nước nhằm khắc phục tình trạng chồng chéo, bỏ trống hoặc trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; chuyển giao những công việc mà cơ quan hành chính nhà nước không nên làm hoặc làm hiệu quả thấp cho xã hội, các tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ đảm nhận.

- Tăng cường các hoạt động giám sát, kiểm tra, thanh tra việc thực thi nhiệm vụ, công vụ của cán bộ, công chức, viên chức dưới nhiều hình thức.

Đối với cải cách tổ chức đảng, cần đặt ra một số phương hướng sau:

- Đối với cấp địa phương, cần tiếp tục mở rộng thực hiện việc nhất thể hóa đối với cả chức danh chủ tịch HĐND với chức danh bí thư cấp ủy cùng cấp ở tất cả các cấp; tiến tới, cần nghiên cứu đều nhất thể hóa cả ba chức danh: chủ tịch HĐND, chủ tịch UBND và Bí thư cấp ủy cùng cấp. Có thể coi đây là một giải pháp nhằm kiện đảm bảo thực hiện chuyển hóa ý chí lãnh đạo của Đảng thành ý chí của Nhà nước một cách hiệu quả nhất.

- Đảng cần thiết tiến hành các hoạt động đánh giá hiệu quả hoạt động của các tổ chức đảng được thành lập trong các cơ quan, đơn vị Nhà nước để thực hiện việc tinh giảm có hiệu quả. Cụ thể là:

Ở cấp trung ương, do đã có BCS Chính phủ nên không nhất thiết phải có BCS của các Bộ để nâng cao tính thống nhất trong lãnh đạo, điều hành của Thủ tướng Chính phủ - vừa với trọng trách người đứng đầu Chính phủ; vừa với trọng trách người đứng đầu tổ chức đảng trong Chính phủ. Ở cấp địa phương nên xem xét lại tính cần thiết của các BCS đảng của HĐND và UBND cấp tỉnh. Bởi lẽ hiện nay, các BCS này không có nhiều chỉ đạo, định hướng về công tác chuyên môn cho HĐND và UBND cấp tỉnh. Nhiệm vụ chủ yếu là công tác chuẩn bị nhân sự chủ chốt trong các cơ quan nhà nước cùng cấp, song việc này trên thực tế lại chủ yếu được quyết định bởi cơ quan cấp ủy chuyên trách của Đảng hoạt động song song với bộ máy chính quyền cùng cấp (cụ thể là tỉnh/thành ủy).

KẾT LUẬN

Việc xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam đã và đang đặt ra cho Đảng, Nhà nước và nhân dân ta nhiệm vụ hoàn thiện CSPL về sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước nhằm thực thi có hiệu quả hơn quyền dân chủ của nhân dân, đặc biệt là dân chủ trong chính trị; nâng cao hiệu lực lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội, hiệu

quả hoạt động quản lý, điều hành đất nước của Nhà nước; đồng thời, tạo ra một cơ chế bảo vệ Đảng hữu hiệu hơn.

Các công trình nghiên cứu ở nước ngoài và trong nước về các vấn đề liên quan đến đảng chính trị, đảng cầm quyền, mối quan hệ giữa Đảng và Nhà nướccó khối lượng và chất lượng tương đối đồ sộ, sâu sắc; tuy nhiên vấn đề pháp lý hóa mối quan hệ giữa Đảng và Nhà nước hiện nay, mặc dù đã được đề cập đến, song vẫn còn đặt ra nhiều mâu thuẫn, bỏ ngỏ.

Trên cơ sở tiếp thu, kế thừa những kết quả nghiên cứu sâu sắc và thống nhất cao về các vấn đề đảng chính trị và đảng cầm quyền trước đây, Luận án tiếp tục tập trung nghiên cứu những vấn đề lý luận, thực tiễn về vị trí, vai trò của Đảng đối với Nhà nước để đưa đến kết luận về tính tất yếu khách quan của sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước; cũng như sự cần thiết phải xây dựng CSPL và hoàn thiện CSPL về sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước trong giai đoạn hiện nay.

Luận án cũng đã xây dựng khái niệm CSPL và hoàn thiện CSPL về sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước. Trên cơ sở đánh giá thực trạng CSPL về sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước hiện có và nhận diện những yếu tố ảnh hưởng đến việc hoàn thiện CSPL nêu trên, Luận án đã đề ra ba quan điểm chính trị - pháp lý và ba giải pháp để hoàn thiện CSPL về sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước. Ba giải pháp để hoàn thiện CSPL về sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước gồm:

Một là, đổi mới tư duy chính trị- pháp lý về sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với Nhà nước Việt Nam trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam;

Hai là, hoàn thiện các quy định pháp luật về Đảng Cộng sản Việt Nam, trong đó có các quy định về sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với Nhà nước Việt Nam;

Ba là, nâng cao hơn nữa năng lực lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, năng lực tiếp nhận và chấp hành sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam của Nhà nước Việt Nam.

Với tầm hiểu biết còn hạn chế và trong phạm vi có hạn của Luận án, chúng tôi cố gắng phân tích, làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn về hoàn thiện CSPL về sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước ở Việt Nam hiện nay để từ đó kiến nghị những giải pháp hoàn thiện mang tính khả thi với mong muốn góp phần nhỏ bé của mình để nâng cao nhận thức về CSPL và hoàn thiện CSPL về sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước ở Việt Nam nói riêng và bổ sung, hoàn thiện lý luận về NNQP XHCN Việt Nam nói chung./.